

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU - TỈNH ĐỒNG NAI**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Trung Chiến.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Hảo

Ông Lê Văn Mỹ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1969;

Trú tại: số 447/13, hẻm 447, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Cao Xuân M, sinh năm 1968;

Trú tại: số 447/13, hẻm 447, ấp 4, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

( bà S có mặt, ông M vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* *Trong đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:***

Bà và ông Cao Xuân M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số:

88/2000 ngày 26/12/2000. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình khiến gia đình mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin được ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung là Cao Thanh T, sinh ngày 18/5/1996 đã trưởng thành và Cao Thị Phương Q, sinh ngày 11/10/2006. Khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng cháu Q. Trong quá trình giải quyết vụ án bà không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Nay tại phiên Tòa bà đề nghị ông M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi tháng 1.500.000 đồng. Vì hiện tại ông M thu nhập mỗi tháng 12.000.000 đồng cao hơn thu nhập của bà.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Cao Xuân M không có lời khai tại tòa:**

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:**

**Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Đối với ông M cố tình vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

**Về đường lối giải quyết vụ án:**

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với ông Cao Xuân M.

Về con chung: Giao cháu Cao Thị Phương Q, sinh ngày 11/10/2006 cho bà S được nuôi dưỡng.

Ông M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết và nợ chung đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông M phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, tại phiên tòa bà S đề nghị xin được nộp thay, nên đề nghị Tòa chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng dân sự:**

1.1. Căn cứ Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Ông Cao Xuân M đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông M.

**[2] Về nội dung vụ án:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim S và ông Cao Xuân M là hợp pháp vì hai bên tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định, nên được pháp luật bảo vệ.

2.2. Tại hồ sơ không có lời khai của ông M, Tòa án cùng địa phương đã xuống nhà ông M và xác minh tại địa phương, thể hiện ông M vẫn đang sinh sống tại số nhà 447/13, ấp 4 xã T. Vì vậy đây được coi như ông M tự tước bỏ quyền trình bày tại Tòa.

2.3. Yêu cầu của bà S xin được ly hôn với ông M. Vì bà S cho rằng cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ngày càng trầm trọng, các bên đã ly thân với nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông bà là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ được, nên cho bà S được ly hôn với ông M là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về con chung: Ông Cao Xuân M không có ý kiến gì, trong khi đó bà S đang yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Cao Thị Phương Q, sinh ngày 11/10/2006. Xét thấy hiện tại cháu Q đang được bà S chăm sóc nuôi dưỡng, nên giao cho bà S được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay tại phiên tòa bà S đề nghị ông M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Nay bà S đề nghị ông M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở để chấp nhận.

2.4. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Bà S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**[3]. Về án phí sơ thẩm:** Buộc bà S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Ông M phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tại phiên Tòa bà S đề nghị xin được nộp án phí cấp dưỡng nuôi con thay ông M. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên được chấp nhận.

**[4].** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147, khoản 1, Điều 227; 269; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 91 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho bà Nguyễn Thị Kim S được ly hôn với ông Cao Xuân M.

### **2. Về con chung:**

Giao cháu Cao Thị Phương Q, sinh ngày 11/10/2006 cho bà S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng bắt đầu từ tháng 9/2020 đến khi cháu Q tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Cao Xuân M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông M thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về tài sản chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

**4. Nợ chung:** Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

### **5. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002421 ngày 27/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Bà S phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**6.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**7.** Bà Nguyễn Thị Kim S có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Cao Xuân M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Trung Chiến**